

Số: 2768/QĐ-UBND

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 08 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000
Khu Bắc Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;

Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Căn cứ Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/5/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đề án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17/5/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2367/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy định quản lý kèm theo đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Bắc Phước Thắng, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 2776/QĐ-UBND ngày 18/10/2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần nội dung tại Điều 1 của Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 6/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Bắc Phước Thắng, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 23/04/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 6/10/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Bắc Phước Thắng, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh một số nội dung Quyết định số 2723/QĐ-UBND ngày 06/10/2016 và Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 23/04/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ và điều chỉnh Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Bắc Phước Thắng, thành phố Vũng Tàu;

Theo đề nghị của UBND thành phố Vũng Tàu tại Tờ trình số 5586/TTr-UBND ngày 23/6/2022 và Báo cáo thẩm định số 83/BC-SXD ngày 19/7/2022 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Bắc Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu Bắc Phước Thắng, Phường 12, thành phố Vũng Tàu với các nội dung chính như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích, quy mô dân số:

a) Khu vực lập quy hoạch thuộc địa phận Phường 12, thành phố Vũng Tàu; có phạm vi, ranh giới cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp: Sông Cỏ May;

Phía Nam giáp: Sông Cây Khế và đường ven biển;

Phía Đông giáp: Sông Cửa Lấp và huyện Long Điền;

Phía Tây giáp: Sông Dinh và đường Phước Thắng,

b) Quy mô diện tích: Khoảng 2.322,15ha.

c) Quy mô dân số: Khoảng 35.000 người (bao gồm cả dân số quy đổi khoảng 3.500 người).

2. Tính chất quy hoạch: Là khu đô thị phát triển hỗn hợp bao gồm: Khu vực đô thị hiện hữu, đô thị sinh thái hiện đại kết hợp du lịch; Là khu vực bảo tồn cảnh quan sinh thái ngập mặn; Là khu vực tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và không gian

mở đặc trưng phía Bắc của thành phố Vũng Tàu; bố trí các trung tâm du lịch sinh thái, trung tâm thương mại, dịch vụ, vui chơi giải trí.

3. Quy hoạch sử dụng đất:

3.1. Đất dân dụng: Tổng diện tích 514,09ha, trong đó:

a) Các khu chức năng thuộc các đơn vị ở (tổng diện tích: 460,41ha), gồm:

- Các khu chức năng xây dựng nhà ở (khu ở, nhóm nhà ở): Tổng diện tích 279,73ha, gồm:

+ Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định (cải tạo, chỉnh trang): Diện tích 8,76ha.

+ Các nhóm nhà ở xây mới: Tổng diện tích 240,37ha.

+ Các khu ở kết hợp thương mại dịch vụ (30% đất ở, còn lại là các dịch vụ khác): Diện tích 30,61ha.

- Khu chức năng dịch vụ đô thị cấp đơn vị ở: Diện tích 27,23ha; gồm:

+ Khu chức năng giáo dục: Tổng diện tích 12,22ha.

+ Khu chức năng y tế (trạm y tế): Diện tích 1,08ha.

+ Khu chức năng thương mại dịch vụ: Diện tích 8,28ha.

+ Khu chức năng trung tâm văn hóa - thể thao: Diện tích 3,48ha.

+ Khu chức năng công cộng khác: Diện tích 2,17ha.

- Khu chức năng cây xanh sử dụng công cộng (vườn hoa, sân chơi, thể dục thể thao): Tổng diện tích 22,91ha.

- Mạng lưới đường giao thông, HTKT: Tổng diện tích 130,54ha, gồm:

+ Các bãi xe trong đơn vị ở: Tổng diện tích 7,05ha.

+ Bãi rác: Diện tích 1,29ha.

+ Các trạm hạ tầng kỹ thuật: Tổng diện tích 3,50ha.

+ Trạm xử lý nước thải: Diện tích 8,07ha.

+ Trạm phòng cháy chữa cháy: Diện tích 0,20ha.

+ Đất hạ tầng dự trữ phát triển trong khu sinh thái ngập mặn: Diện tích 4,32ha.

+ Mạng lưới đường giao thông cấp phân khu vực: Tổng diện tích 106,11ha.

b) Các khu chức năng ngoài đơn vị ở nằm đan xen trong ranh đơn vị ở: tổng diện tích 53,68ha, gồm:

- Khu chức năng dịch vụ cấp đô thị: tổng diện tích 40,70ha, gồm:

+ Khu chức năng giáo dục (trường trung học phổ thông): Diện tích 11,23ha;

+ Khu thương mại dịch vụ cấp đô thị: Diện tích 6,42ha;

+ Khu công trình công cộng cấp đô thị: Diện tích 23,05ha.

- Khu cây xanh công viên – TDTT cấp đô thị: Diện tích 12,98ha.

3.2. Đất ngoài dân dụng: Tổng diện tích 168,88ha, gồm:

- Khu công trình tôn giáo, tín ngưỡng: Diện tích 0,36ha;
- Khu an ninh quốc phòng: Diện tích 6,51ha;
- Khu trung tâm nghiên cứu – đào tạo: Diện tích 16,15ha;
- Khu cây xanh khác: Tổng diện tích 59,87ha, gồm:
 - + Cây xanh cách ly: Diện tích 29,48ha;
 - + Cây xanh cảnh quan cấp đô thị: Diện tích 30,39ha;
- Khu bến xe cấp đô thị: Tổng diện tích 5,06ha;
- Đường giao thông liên khu vực: Tổng diện tích 80,94ha.

3.3. Đất khác: Tổng diện tích 1.639,18ha, gồm:

- Mặt nước sông, rạch, kênh: Tổng diện tích 568,15ha;
- Khu sinh thái ngập mặn: Tổng diện tích 1.071,03 ha.

3.4. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực (theo Bảng tỷ lệ các loại đất):

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ SO VỚI TOÀN KHU (%)	TỶ LỆ SO VỚI ĐƠN VỊ Ở (%)	DÂN SỐ (người)	CHỈ TIÊU ĐƠN VỊ Ở (m ² /người)
A	ĐẤT DÂN DỤNG	514,09	22,14%		35.000	146,88
I	ĐẤT ĐƠN VỊ Ở	460,41	19,83%	100,00%	35.000	131,55
1	ĐẤT NHÓM NHÀ Ở	279,73	12,05%	60,76%	35.000	79,92
1.1	- Đất nhóm nhà ở hiện hữu ổn định (cải tạo, chỉnh trang)	8,76	0,38%	1,90%	790	111,79
1.2	- Đất các nhóm nhà ở xây mới	240,37	10,35%	52,21%	24.760	97,08
	+ Đất nhóm nhà ở xây mới	169,00	7,28%	36,71%	17.510	96,52
	Khu Phước Cơ	91,76	3,95%	19,93%	11.200	81,94
	Khu Phước Thắng	77,24	3,33%	16,78%	6.310	123,58
	+ Đất nhóm nhà ở sinh thái mật độ thấp	62,65	2,70%	13,61%	2.450	255,72
	+ Đất chung cư	8,72	0,38%	1,89%	4.800	18,16
1.3	- Đất ở kết hợp TMDV (30% ở, còn lại là dịch vụ khác)	30,61	1,32%	6,65%	9.450	53,41
2	ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	27,23	1,17%	5,91%		7,78
2.1	- Đất giáo dục	12,22	0,53%	2,65%		3,49
	+ Đất trường mầm non (xây mới)	3,10	0,13%	0,67%		
	+ Đất trường liên cấp 1 và 2	9,12	0,39%	1,98%		
2.2	- Đất trạm y tế (xây mới)	1,08	0,05%	0,24%		
2.3	- Đất thương mại dịch vụ (xây mới)	8,28	0,36%	1,80%		
2.4	- Đất trung tâm VH-TT(xây mới)	3,48	0,15%	0,76%		
2.5	- Đất công cộng khác (xây mới)	2,17	0,09%	0,47%		
3	ĐẤT CÂY XANH CÔNG CỘNG (vườn hoa, sân chơi; không kể đất cây xanh công cộng trong nhóm ở và trong khu đất hỗn hợp)	22,91	0,99%	4,98%		6,55

	- Đất cây xanh đơn vị ở	22,91	0,99%	4,98%		
4	ĐẤT GIAO THÔNG, HTKT	130,54	5,62%	28,35%		
4.1	- Đất hạ tầng kỹ thuật	24,43	1,05%	5,31%		
4.2	- Đất đường giao thông cấp phân khu vực	106,11	4,57%	23,05%		
II	ĐẤT NGOÀI ĐƠN VỊ Ở	53,68	2,31%			
1	- Đất công trình công cộng cấp đô thị	40,69	1,75%			
	+ Đất trường THPT (xây mới)	11,23	0,48%			
	+ Đất thương mại dịch vụ cấp đô thị	6,42	0,28%			
	+ Đất công trình công cộng cấp đô thị	23,05	0,99%			
2	- Đất cây xanh - TĐTT cấp đô thị	12,98	0,56%			
B	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	168,88	7,27%			
1	- Đất di tích, tôn giáo	0,36	0,02%			
2	- Đất an ninh quốc phòng	6,51	0,28%			
3	- Đất trung tâm nghiên cứu, đào tạo	16,15	0,70%			
4	- Đất cây xanh khác	59,87	2,58%			
	+ Đất cây xanh cảnh quan cấp đô thị	30,39	1,31%			
	+ Đất cây xanh cách ly	29,48	1,27%			
5	- Đất đường giao thông liên khu vực	86,00	3,70%			
	+ Đất bến xe cấp đô thị	5,06	0,22%			
	+ Đất đường giao thông liên khu vực	80,94	3,49%			
C	ĐẤT KHÁC	1.639,18	70,59%			
1	- Đất mặt nước sông, kênh, rạch	568,15	24,47%			
2	- Đất sinh thái ngập mặn	1.071,03	46,12%			
	TỔNG CỘNG	2.322,15	100,00%		35.000	
				Tổng dân số cố định	31.500	
				Tổng dân số quy đổi (tính vào đất hỗn hợp)	3.500	

4. Định hướng phát triển không gian:

a) Quy hoạch được định hướng phát triển với chức năng riêng biệt như sau:

- Khu vực phát triển dân cư: Gồm 03 khu vực chính:

+ Khu Phước Cơ (phía Bắc): Dọc Quốc lộ 51 (đường Võ Nguyên Giáp) xây dựng mới các khu ở hiện đại với đa dạng các loại hình nhà ở như nhà ở liên kết, biệt thự, chung cư, nhà ở tái định cư; tổ chức hệ thống công trình công cộng và công viên cây xanh kết hợp cảnh quan sinh thái ngập mặn phục vụ nhu cầu sử dụng, giải trí, nghỉ ngơi của dân cư.

+ Khu Phước Thắng (phía Nam): Cải tạo, chỉnh trang các khu dân cư ở hiện hữu. Phát triển nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ với các chung cư kết hợp văn phòng, thương mại cao tầng tại nút giao thông Eo Ông Từ; đồng thời xây dựng các khu ở mới, tổ chức các cụm công trình công cộng, công viên cây xanh tại trung tâm khu vực tạo nên khu ở văn minh, hiện đại.

+ Khu trung tâm Bắc Phước Thắng và khu sinh thái mật độ thấp: Phát triển nhà ở kết hợp thương mại dịch vụ tại nút giao đi cầu Cửa Lấp kết hợp các công trình công cộng

cấp đô thị dọc trục chính tạo điểm nhấn cho toàn khu, làm động lực phát triển, đồng thời xây dựng các khu ở sinh thái mật độ thấp (chủ yếu là các biệt thự đơn lập, song lập) ven các khu ngập mặn, tạo nên một khu ở sinh thái cao cấp, hài hòa với thiên nhiên.

- Khu vực bảo tồn và phát triển sinh thái ngập mặn:

+ Giữ nguyên trạng hệ thống thái sinh thái ngập mặn, có biện pháp tôn tạo và phát triển. Tuân thủ theo kế hoạch bảo vệ và phát triển sinh thái ngập mặn đã được phê duyệt.

+ Cho phép sử dụng tối đa 5% diện tích sinh thái ngập mặn để khai thác du lịch sinh thái.

+ Giảm thiểu, hạn chế và có các biện pháp giải quyết tình trạng phá khu sinh thái ngập mặn để làm ngư nghiệp.

b) Trục giao thông chính và các trục giao thông phụ:

- Trục giao thông chính đô thị: Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 51), đường Võ Văn Kiệt, đường trục chính Bà Rịa – Vũng Tàu, đường tỉnh 994 (bao gồm cả đoạn đường Trường Sa và đường ven biển đi cầu Cửa Lấp) và đường nối 2 nút giao thông đường ven biển và khu vực Eo Ông Từ.

- Đường chính khu vực: Tổ chức tuyến đường chính-kết nối khu vực phía Nam (từ đường Võ Văn Kiệt) với khu vực Phước Cơ ở phía Bắc (kết thúc ở chân cầu Cỏ May), dọc đường bố trí đa dạng các loại hình nhà ở như chung cư cao tầng, công trình công cộng, nhà ở sinh thái..., hình thành trục đường năng động và thuận tiện cho việc tiếp cận của người dân trong và ngoài khu vực. Các trục đường tuân theo định hướng quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu.

- Bổ sung các trục giao thông phụ và các đường giao thông nội bộ trong cả 2 khu ở, hoàn thiện hệ thống hạ tầng toàn khu.

c) Hạ tầng xã hội, dịch vụ đô thị:

- Các công trình công cộng (trường học, văn hóa, y tế...) được bố trí đan xen trong từng khu ở, đảm bảo bán kính phục vụ, tạo một không gian sống hiện đại với đầy đủ các hạ tầng xã hội.

- Tại trung tâm mỗi khu ở, bố trí công viên cây xanh và bãi đậu xe phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí của người dân.

- Tận dụng các không gian ven sông để tổ chức cảnh quan, các không gian mở vui chơi thể thao, ngắm cảnh cùng các dịch vụ khác, tạo cảnh quan đẹp và môi trường sinh thái cho khu vực.

- Cải tạo và nâng cấp các công trình hiện hữu có tính chất đặc biệt trong khu quy hoạch như các công trình quân sự, công trình tôn giáo...

- Cập nhật tuyến Đê Hải Đăng, các công trình cấp đô thị theo đề án quy hoạch chung như các công trình công cộng, bến xe (diện tích khoảng 5ha)...

5. Quy hoạch các đơn vị ở: Quy hoạch 02 đơn vị ở:

a) Đơn vị ở 1:

Tại phía Bắc khu đất, được giới hạn bởi ranh giới phía Bắc, phía Tây, đường

Trường Sa (đường tỉnh 994), đường trục chính Bà Rịa – Vũng Tàu. Phía Bắc giới hạn bởi sông Cỏ May; Phía Tây Bắc giới hạn bởi sông Dinh; Phía Nam giới hạn bởi đường tỉnh 994; Phía Đông giới hạn bởi đường trục chính Bà Rịa – Vũng Tàu.

Diện tích: khoảng 1.309,05ha.

Quy mô dân số: khoảng 18.470 người.

b) Đơn vị ở 2:

Tại phía Nam khu đất, được giới hạn bởi ranh giới phía Nam, phía Tây, đường Trường Sa (đường tỉnh 994), đường trục chính Bà Rịa – Vũng Tàu. Phía Bắc giới hạn bởi đường tỉnh 994; Phía Tây, Tây Nam giới hạn bởi sông Dinh, rạch Cây Khế, đường Võ Nguyên Giáp và đường Phước Thắng; Phía Đông, Đông Nam giới hạn bởi đường Võ Văn Kiệt, đường đi cầu Cửa Lấp và sông Cỏ May;

Diện tích: Khoảng 1.013,10ha.

Quy mô dân số: Khoảng 16.530 người.

c) Quỹ đất bố trí tái định cư và nhà ở xã hội:

Đã bố trí khoảng 3,4ha làm tái định cư và khoảng 2ha làm nhà ở xã hội tại khu vực phía Bắc; ngoài ra bố trí quỹ đất ở thuận tiện để đề xuất thêm các khu vực tái định cư và nhà ở xã hội. Sẽ nghiên cứu đề xuất chi tiết trong quá trình lập dự án đầu tư theo đúng quy định của Luật Nhà ở, các quy định hiện hành liên quan khác và chủ trương của UBND tỉnh.

6. Thiết kế đô thị:

6.1. Công trình điểm nhấn:

Điểm nhấn tầng cao: Tại các nút giao thông cửa ngõ như Eo Ông Từ, nút giao đi cầu Cửa Lấp, tổ chức không gian hỗn hợp cao tầng cao từ 15 – 25 tầng làm điểm nhấn cũng như đặc điểm nhận dạng đô thị khi vào khu vực.

Điểm nhấn cảnh quan: Dựa trên hệ thống mặt nước hiện hữu, tổ chức cảnh quan, công viên cây xanh quanh bờ sông, bố trí đầy đủ các tiện ích, kiến trúc...; các lối đi dạo, tạo không gian vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng cho người dân.

6.2. Các tuyến, trục không gian cảnh quan chính:

a) Các tuyến cảnh quan ven sông rạch:

Tổ chức các hành lang xanh ven sông rạch nhằm tạo tính đa dạng về không gian sinh hoạt cộng đồng đặc sắc với các hoạt động tương ứng, góp phần tạo điểm tham quan du lịch, nghỉ ngơi, vui chơi có ý nghĩa, góp phần phát triển du lịch.

Tổ chức các không gian mở hướng ra mặt nước, là các điểm thu hút các luồng di chuyển. Các không gian mở này kết nối với nhau bởi các đường dạo, vật liệu, màu sắc, cây xanh... Liên kết hai bên bờ sông bởi các điểm nhấn, kết hợp xây dựng các cây cầu tạo lối tiếp cận thuận tiện.

Kết nối không gian công viên với các không gian mở nội bộ của các nhóm công trình xung quanh nhằm tạo tính liên tục và thuận tiện cho di chuyển.

Đảm bảo hành lang cây xanh cách ly hai bên bờ sông rạch.

Khai thác hiệu quả sông Cỏ May, sông Dinh, rạch Cây Khế và không gian hai bên bờ để mang lại những nét độc đáo cho hình ảnh đô thị Vũng Tàu nói chung và tại khu vực Bắc Phước Thắng nói riêng.

b) Đường trục chính Võ Văn Kiệt (đường trục chính Bà Rịa – Vũng Tàu):

Là trục chính đô thị có chức năng kết nối liên khu vực từ trung tâm đô thị hiện hữu đến khu vực phía Bắc thành phố ; kết nối liên vùng Vũng Tàu – Long Điền – Bà Rịa và đường cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu.

Trên trục đường, bố trí cụm công trình hỗn hợp tại nút giao đường ven biển, đóng vai trò là điểm nhấn tầng cao của khu vực với tầng cao tối đa là 25 tầng, bao gồm các chức năng như: Khu ở, thương mại dịch vụ, cao ốc văn phòng... kết hợp các công trình công cộng cấp đô thị như trường học và các công trình công cộng khác.

c) Đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 51):

Trên trục đường, bố trí nhà ở xây dựng thấp tầng, loại hình kiến trúc chủ yếu là nhà phố liên kế, nhà ở tái định cư. Thiết kế đồng bộ về tầng cao, hình khối trên cùng dãy phố nhằm đồng bộ về hạ tầng, tạo mỹ quan đô thị.

Tại phía Nam trục đường, bố trí các khu hỗn hợp, đa dạng về loại hình kiến trúc như công trình thương mại dịch vụ cao tầng, cao ốc văn phòng, chung cư cao cấp... Tầng cao cao dần về phía Nam, với điểm nhấn tầng cao tại nút giao Eo Ông Từ.

d) Đường tỉnh 994 (đường ven biển Vũng Tàu – Bình Châu):

Trên trục đường, tổ chức các cụm nhà ở xây dựng mới thấp tầng (ưu tiên nhà ở thương mại). Ngoài ra bố trí thêm các công trình công cộng và thương mại dịch vụ tại khu vực gần nút giao đường ven biển.

Đường tỉnh 994 đi ngang qua khu sinh thái ngập mặn, nên có cảnh quan riêng biệt, tổ chức các cây xanh đường phố đặc trưng với khu sinh thái ngập mặn, tránh làm ảnh hưởng không gian cảnh quan. Hai bên đường là các khu ở thấp tầng, khu biệt thự sinh thái, công trình công cộng, sinh thái ngập mặn có môi trường sống gắn liền với thiên nhiên.

e) Trục cảnh quan khu vực (tuyến đường D14 Bắc – Nam kết nối 02 khu ở):

Trên trục đường bố trí nhiều loại hình kiến trúc nhà ở dân dụng và công trình công cộng với hình thức kiến trúc hiện đại.

Tuyến đường này đi ngang qua khu sinh thái ngập mặn, nên có cảnh quan riêng biệt, tổ chức các cây xanh đường phố đặc trưng với khu sinh thái ngập mặn, tránh làm ảnh hưởng không gian cảnh quan. Hai bên đường là các khu ở thấp tầng, khu biệt thự sinh thái, công trình công cộng, sinh thái ngập mặn có môi trường sống gắn liền với thiên nhiên.

6.3. Các không gian đặc trưng:

a) Khu trung tâm cửa ngõ phía Bắc thành phố Vũng Tàu:

Khu vực dọc đường Võ Văn Kiệt, đường trục chính Bà Rịa – Vũng Tàu và nút giao đi cầu Cửa Lấp là khu vực trọng tâm của khu quy hoạch, bố trí các công trình hỗn hợp cao tầng có quy mô lớn tại các nút giao thông đón hướng nhìn từ phía Khu du lịch

Chí Linh – Cửa Lấp qua. Không gian hai bên trục được tổ chức kiến trúc xanh, tầng cao công trình có nhịp điệu đan xen giữa khu hỗn hợp cao tầng và các công trình công cộng cấp đô thị dọc trục đường.

b) Khu trung tâm Phước Cơ:

Đây là khu vực trung tâm phía Bắc. Dọc các tuyến đường D13, D14 bố trí cụm công trình công cộng gồm trạm y tế, nhà văn hóa, trường học, công trình thương mại dịch vụ, công viên cây xanh..., thuận tiện tiếp cận và bán kính đi bộ của người dân. Các công trình công cộng được ưu tiên hướng nhìn ra sông Cỏ May nhằm khai thác điều kiện không khí trong lành và góp phần làm đẹp cảnh quan cho khu trung tâm.

c) Khu trung tâm Phước Thắng (Eo Ông Từ):

Bố trí các công trình công cộng quanh khu vực Eo Ông Từ đảm bảo yêu cầu bán kính phục vụ. Khu vực này chủ yếu là nhà ở xây mới theo dự án với hệ thống hạ tầng kỹ thuật hoàn chỉnh, bao gồm nhà ở dạng biệt thự, liên kế vườn, nhà phố thương mại tạo không gian sống hiện đại, đa dạng loại hình. Ngoài ra, trong bán kính dưới 250m (tính từ tim nút giao thông Eo Ông Từ) bố trí các công trình hỗn hợp cao từ 1-9 tầng, từ bán kính 250m trở lên bố trí các công trình hỗn hợp cao tầng từ 10-20 tầng để tạo điểm nhấn tầng cao cho khu vực phía Tây Nam. Hình thức kiến trúc các công trình cao tầng hiện đại, vật liệu thân thiện với kiến trúc xanh, bố trí các khoảng không gian mở giữa các khối công trình.

Bố trí các công trình công cộng như trường học, trạm y tế, công viên... tại trung tâm phía Tây Nam, quanh khu vực Eo Ông Từ đảm bảo tốt bán kính phục vụ.

Khu vực có rạch Cây Khế và hồ nước hiện hữu lớn, cải tạo không gian mặt nước và cảnh quan hai bên rạch để góp phần cải thiện vi khí hậu trong khu ở và môi trường sống hài hòa với môi trường.

d) Không gian cảnh quan sông nước tại khu ở sinh thái:

Dựa trên cảnh quan tự nhiên để bố trí khu ở sinh thái mật độ thấp tại vùng ven vùng đất ngập nước, trong đó bố trí đầy đủ các công trình công cộng và công viên, bãi đỗ xe tạo thành một khu ở hoàn chỉnh.

Khu vực ven rạch được ưu tiên cải tạo cảnh quan tự nhiên để giữ lại sinh thái của cảnh quan sông rạch khu vực, khuyến khích các giải pháp bờ kè kết hợp thảm thực vật nhằm hòa hợp với thiên nhiên và tăng tính mỹ quan cho vùng cảnh quan thiên nhiên ven sông. Tổ chức các điểm, bến thuyền để bổ sung thêm các loại hình du lịch trên hệ thống mặt nước sông rạch hiện hữu.

e) Không gian sinh thái ngập mặn:

Khu vực Bắc Phước Thắng có diện tích sinh thái ngập mặn rộng lớn, là một trong các “vành đai xanh” đô thị với vùng cửa ngõ chính vào thành phố Vũng Tàu là vùng sinh thái sông rạch ngập mặn và là vùng kết nối giữa hai đô thị Vũng Tàu và Bà Rịa, kết nối giữa trung tâm hành chính của tỉnh với thành phố Vũng Tàu. Thiết kế khu sinh thái ngập mặn trở thành công viên sinh thái ngập nước có chức năng như một hồ chứa và lọc nước. Khu công viên này được đầu tư theo mô hình khu sinh thái ngập mặn kết hợp với các hoạt động vui chơi, thể dục thể thao; đồng thời gìn giữ các loại

cây đặc trưng ngập mặn. Phần lớn diện tích của khu vực công viên ngập mặn chủ yếu bố trí cho mặt nước và cây xanh, hình thức giao thông theo hướng thân thiện với môi trường (đi bộ, xe đạp, ghe thuyền, ca nô).

6.4. Mật độ xây dựng, tầng cao, khoảng lùi công trình:

a) Mật độ xây dựng:

Mật độ xây dựng gộp toàn khu: 8,76%.

Mật độ xây dựng cho từng loại hình nhà ở (chung cư, biệt thự, liên kế, khu ở hiện hữu chỉnh trang) và các khu hỗn hợp; các công trình công cộng; các công trình dịch vụ du lịch trong khu sinh thái ngập mặn: Tuân theo QCVN 01:2021/BXD.

b) Tầng cao:

- Các công trình hỗn hợp tại các nút giao thông đô thị như nút giao đường ven biển đi cầu Cửa Lấp, nút giao Eo Ông Từ là các điểm nhấn đô thị, có tầng cao công trình 15-25 tầng.

- Các công trình ở mới thấp tầng có tầng cao 1-5 tầng (riêng nhà ở dạng biệt thự có tầng cao tối đa 03 tầng).

- Các công trình trường mầm non, trường liên cấp có tầng cao 3-4 tầng. Các công trình công cộng còn lại cao tối đa 4 tầng.

- Các công trình thuộc đất nhà ở hiện hữu ổn định cao 1-6 tầng.

- Các công trình dịch vụ du lịch trong khu sinh thái ngập mặn cao tối đa 2 tầng.

c) Khoảng lùi:

Các chỉ tiêu không chế về khoảng lùi được xác định dựa trên cơ sở đánh giá hiện trạng cốt nền và kiến trúc cảnh quan, địa hình tự nhiên và tính chất, chức năng của các tuyến phố chính trong khu vực quy hoạch. Ngoài ra, khoảng lùi công trình đáp ứng phù hợp với Quy chuẩn hiện hành.

Các quy định về mật độ xây dựng, tầng cao, khoảng lùi công trình ngoài việc tuân thủ các quy định trên, còn phải tuân thủ hồ sơ đồ án (bản vẽ, Thuyết minh và Quy định quản lý) kèm theo Quyết định phê duyệt.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch san nền và thoát nước mặt (chuẩn bị kỹ thuật):

a) Cao độ nền xây dựng:

Căn cứ vào địa hình tự nhiên, tình hình thực tế, định hướng quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu đến năm 2035 (quy định cao độ nền khu vực Bắc Phước Thắng H $\geq +2,85m$) để đưa ra giải pháp thiết kế san nền cho khu quy hoạch như sau:

- Cao độ: $H_{xd} \min = 2,85m$ (so với cao độ chuẩn hệ Hòn Dấu, Hải Phòng). Các khu vực có địa hình tự nhiên thấp hơn giá trị này thì san nền để đạt $H_{xd} = 2,85m$.

- Phương án san nền đối với các khu vực có cao độ nền tự nhiên $> +2,85m$ là bám sát vào cao độ hiện trạng, hạn chế tối đa can thiệp vào địa hình tự nhiên. Giữ lại cao độ thiết kế bằng với cao độ tự nhiên tại các ngã giao giữa các trục giao thông chính

đôi với các vị trí có nền tự nhiên lớn. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi kết nối giao thông với hệ thống đường hiện hữu xung quanh điển hình như dọc theo các trục giao thông Quốc lộ 51, đường Võ Văn Kiệt, đường D2....

b) Hệ thống thoát nước mưa:

Giải pháp thoát nước mưa là thiết kế hệ thống thoát nước riêng với nước thải sinh hoạt. Nước mưa trên toàn bộ bề mặt được gom về hệ thống công thoát nước dọc theo các trục giao thông, sau đó sẽ thoát ra nguồn tiếp nhận theo đường ngắn nhất thông qua các cửa xả. Nguồn tiếp nhận là sông rạch bao quanh khu quy hoạch.

Hệ thống công thoát nước mưa sử dụng cống tròn bê tông cốt thép, kích thước cống tính toán theo chu kỳ lặp lại trận mưa tính toán (cống nhánh lấy $P = 1$ năm, cống chính lấy $P = 5$ năm). Kích thước cống từ D600-1800mm (cống bằng đường sử dụng D400). Thoát nước mưa được chia thành nhiều lưu vực thoát nhằm thu gom 100% lượng nước mưa từ nơi phát sinh ra nguồn tiếp nhận nhanh nhất; ngoài ra còn tránh lưu lượng dồn về một lưu vực.

c) Công trình bảo vệ bờ biển:

Tuân thủ theo Quy hoạch hệ thống đê biển tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 16/12/2014. Gia cố hai bên bờ sông rạch để tránh sạt lở với cao độ mép bờ cao tối thiểu là +2.85m.

7.2. Quy hoạch hệ thống giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng:

a) Giao thông đối ngoại:

- Giao thông đường bộ:

+ Đường trục chính Bà Rịa – Vũng Tàu (từ Vũng vằn về nút giao trục đường 51B-C), lộ giới 67m.

+ Trục đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 51): Là trục chính đô thị khu vực ở phía Tây; giải quyết nhu cầu lưu thông chính trong khu vực và kết nối khu vực với thành phố Vũng Tàu ở phía Nam và thành phố Hồ Chí Minh ở phía Bắc. Đoạn đi qua khu vực quy hoạch có lộ giới 57,5m.

+ Đường Tỉnh 994 – đường Trường Sa): Là tuyến kết nối liên khu vực giữa Bắc Phước Thắng đi đảo Gò Găng (ở phía Tây) và kết nối liên vùng giữa thành phố Vũng Tàu với các huyện Long Điền, Đất Đỏ, Xuyên Mộc theo hướng Đông Tây. Tuân thủ theo Quyết định 1101/QĐ-UBND ngày 23/04/2021 về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch cục bộ đường ven biển Vũng Tàu – Bình Châu (ĐT 994). Tại những vị trí tiếp giáp với khu vực dân cư, tổ chức thêm tuyến đường gom song song với Đường tỉnh 994 để thuận tiện cho việc tiếp cận công trình ven đường.

- Giao thông đường sắt: Tuyến đường sắt Biên Hòa – Vũng Tàu được xác định theo Quy hoạch chi tiết đường sắt khu vực đầu mối Thành phố Hồ Chí Minh đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại quyết định số 1556/QĐ-BGTVT, ngày 06/6/2013.

- Giao thông thủy: Tuân thủ theo Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 09/4/2020 của UBND tỉnh về Quản lý, khai thác hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế – xã hội khu vực ven sông trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, giai đoạn 2020-2035.

b) Giao thông công cộng: Kết nối với các tuyến xe bus phục vụ việc tiếp cận các khu du lịch ven biển, trung tâm thành phố Vũng Tàu, các khu công nghiệp trên địa bàn thành phố và một số khu vực khác trên địa bàn tỉnh.

c) Công trình phục vụ giao thông:

- Nút giao thông: Xây dựng các nút giao thông đảm bảo sự thuận lợi của các luồng, tuyến giao thông lưu thông an toàn thông suốt; những nút giao thông khác cốt kết nối giữa các tuyến trục chính thành phố Vũng Tàu:

+ Nút giao thông khác mức tại Ụo Ông Từ;

+ Nút giao khác mức số 1 tại nút giao của đường trục chính Bà Rịa - Vũng Tàu (đường Võ Văn Kiệt) với đường tỉnh 994 (đường ven biển);

+ Nút giao khác mức số 2 tại nút giao giữa tuyến đường Võ Nguyên Giáp (Quốc lộ 51) với đường tỉnh 994;

+ Việc kết nối các tuyến đường cấp khu vực tại vị trí chân cầu (Cầu Cửa Lấp, Cầu Cây Khế 4) và các vị trí giao cắt với đường sắt và đường trục chính Bà Rịa - Vũng Tàu được tổ chức khác mức để đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

- Công trình cầu: Tổ chức cầu cho các tuyến giao thông bắc ngang qua sông rạch, các thông số kỹ thuật tùy thuộc vào đặc điểm sông rạch và cấp của các tuyến đường giao thông.

d) Giao thông đối nội:

Được tổ chức theo dạng mạng lưới đường ô cò, hoàn chỉnh và linh hoạt trong việc đáp ứng nhu cầu lưu thông trong khu vực, có lộ giới từ 12-30m, được tổ chức từ 2-6 làn xe lưu; bố trí đủ diện tích bố trí hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở phía dưới mặt đất.

7.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước

a) Chỉ tiêu cấp nước:

Nước cấp cho sinh hoạt = 160 l/người/ngđ

Nước cấp cho các dịch vụ, công trình công cộng = 10% QSH

Nước cấp cho du lịch = 10 m³/ha

Nước tưới cây, rửa đường = 10% QSH

Nước rò rỉ và dự phòng = 10% lưu lượng nước cấp hữu ích.

b) Nhu cầu dùng nước: 8.900m³/ngày đêm.

c) Nguồn cấp nước: Dẫn từ nhà máy nước Hồ Đá Đen và nhà máy nước sông Dinh.

d) Mạng lưới cấp nước:

Hệ thống đường ống cấp nước lấy từ các tuyến ống chính bằng ống Ø800, ống Ø200 trên Quốc lộ 51.

Thiết kế mới một số đoạn ống, kết hợp với mạng lưới ống cấp nước hiện hữu để tạo mạng lưới vòng cấp nước cho toàn khu, ống cấp nước sử dụng ống HDPE.

Bố trí tuyến ống Ø100-250 nằm trên các tuyến đường trục chính của khu quy hoạch để cấp nước cho khu vực.

e) Cấp nước phòng cháy chữa cháy: Tuân thủ theo quy định tại Luật Phòng cháy và chữa cháy hiện hành.

7.4. Quy hoạch hệ thống cấp điện

a) Nguồn cấp điện: Lấy từ lưới điện cao thế tuyến Bà Rịa – Vũng Tàu.

b) Tổng nhu cầu sử dụng điện: $P_{tt} = 68,83\text{MW}$ ($S_{tt} = 80,97\text{MVA}$).

c) Mạng lưới điện:

Tuyến trung thế 22KV: Xây dựng mới tuyến trung thế ngầm 22kV cấp điện cho các khu quy hoạch xây dựng mới, nguồn cấp từ trạm 110/22kV Vũng Tàu 3 và trạm 110/22kV Phước Thắng.

Trạm biến áp phân phối 22/0,4kV: Xây dựng mới trạm biến áp phân phối 22/0,4kV cấp điện cho nhu cầu sinh hoạt, công trình công cộng và chiếu sáng đường giao thông trong khu quy hoạch.

7.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang:

a) Thoát nước thải:

Chỉ tiêu thoát nước thải $\geq 80\%$ chỉ tiêu cấp nước.

Tổng lượng nước thải = 7.400 m³/ngày đêm.

Các phương án thoát nước:

- Xây dựng hệ thống thoát nước thải riêng biệt với nước mưa.
- Nước thải trong khu vực quy hoạch được đưa về trạm xử lý nước thải sinh hoạt Cây Khé, công suất giai đoạn 1: $Q_1 = 22.000\text{m}^3/\text{ngđ}$, giai đoạn 2: $36.000\text{m}^3/\text{ngđ}$.

b) Quản lý chất thải rắn:

Tiêu chuẩn rác thải: $q = 1,3\text{kg}/\text{người}/\text{ngày đêm}$.

Tổng lượng rác thải khu quy hoạch: $W = 45,5\text{tấn}/\text{ngày đêm}$.

Giải pháp thu gom chất thải rắn: Thực hiện phân loại rác thải tại nguồn, thu gom, vận chuyển theo dịch vụ đô thị chuyên về trạm xử lý rác của tỉnh.

c) Nghĩa trang nhân dân: Tiến hành rà soát, di dời các mộ phần nằm rải rác trong khu dân cư (nếu có); khuyến khích, hỗ trợ người dân sử dụng hình thức hỏa táng; chuyển về các khu nghĩa trang tập trung theo quy định.

7.6. Quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc:

Nguồn viễn thông cấp cho khu vực từ Trung tâm Viễn thông thành phố Vũng Tàu và các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông khác.

Tổng nhu cầu thông tin dự kiến của khu quy hoạch bao gồm 65.450 thuê bao di động, 11.550 thuê bao cố định và 23.100 thuê bao internet tốc độ cao.

Đầu tư xây dựng mới một hệ thống viễn thông hoàn chỉnh, có khả năng kết nối đồng bộ với mạng viễn thông quốc gia, vị trí tổng đài phải lắp đặt ở những nơi có lưu lượng tập trung và hiệu quả nhất.

Xây dựng các trạm BTS, các mạng di động trong khu vực do các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đầu tư.

8. Đánh giá môi trường chiến lược và biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường:

Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, dịch vụ du lịch, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch đô thị:

- Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là đối với các quy hoạch san lấp nền và cấp, thoát nước đều có tính đến việc thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu.

- Giải quyết vấn đề đảo nhiệt đô thị bằng giải pháp phát triển cây xanh: tăng cường trồng cây xanh xung quanh các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và các trục giao thông chính.

- Mạng lưới thoát nước thải được xây dựng đảm bảo thu gom nước thải, dẫn về trạm xử lý của khu vực. Nước thải sau xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT trước khi xả ra môi trường tự nhiên.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn, tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải rắn, thu gom và vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý của tỉnh.

- Tạo điều kiện và khuyến khích các phương tiện giao thông sử dụng nhiên liệu sạch.

9. Các hạng mục công trình ưu tiên đầu tư và nguồn lực thực hiện:

Ưu tiên đầu tư xây dựng các hạng mục hạ tầng kỹ thuật – hạ tầng xã hội khung đô thị.

Hoàn thiện thủ tục kêu gọi đầu tư dự án trọng điểm Khu đô thị Hải Đăng.

Nguồn vốn thực hiện: Bằng nguồn vốn doanh nghiệp được hưởng lợi kết hợp đầu tư bằng ngân sách.

Điều 2: Hiệu lực thi hành:

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Quy định chuyển tiếp:

1. Các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, các dự án đầu tư đã được phê duyệt trước thời điểm đồ án quy hoạch này được phê duyệt thì tiếp tục thực hiện theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và dự án được duyệt trước đó; trường hợp nếu có thay đổi, điều chỉnh thì phải thực hiện theo quy định tại Quyết định này và hồ sơ đồ án quy hoạch kèm theo.

2. Các quy định cụ thể khác áp dụng cho từng khu vực, từng lô đất và từng công trình ngoài việc tuân thủ nội dung Quyết định này, phải tuân thủ Quy định quản lý kèm theo đồ án quy hoạch được duyệt.

3. Khi thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng và thủ tục về đất đai (kể cả việc điều chỉnh dự án có liên quan đến việc điều chỉnh chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất so với quy

hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và dự án trước đây được duyệt), ngoài việc phải tuân thủ nội dung Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch này, phải thực hiện trình tự thủ tục theo đúng quy định tại Luật Đầu tư, Luật Đất đai và pháp luật hiện hành liên quan khác.

4. Quy hoạch phân khu không xét chi tiết đến từng thửa đất mà chỉ được xem xét trong quá trình lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc lập dự án đầu tư, nên phải thực hiện thủ tục đất đai, xây dựng theo đúng mục tiêu sử dụng đất nhà nước đã giao, cho thuê.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. UBND thành phố Vũng Tàu có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức triển khai việc cắm mốc giới, quản lý mốc giới theo quy hoạch được duyệt.

b) Xây dựng, phê duyệt kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch.

c) Tổ chức triển khai lập các đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 để cụ thể đồ án quy hoạch phân khu này; làm cơ sở quản lý và triển khai đầu tư xây dựng..

d) Tổ chức triển khai thực hiện, quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng; kiểm tra, giám sát các dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi đồ án quy hoạch được duyệt.

e) Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng cho tổ chức, cá nhân theo đúng nội dung đồ án đã được phê duyệt.

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm: Phối hợp và tổ chức thực hiện việc quản lý đầu tư xây dựng theo những nội dung công việc thuộc chức năng quản lý ngành.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND thành phố Vũng Tàu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, TH2, TH5 (6)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH *Khd*



Nguyễn Công Vinh